

BÁO CÁO

Về việc triển khai thực hiện việc công khai đối với cơ sở GDMN theo quy
định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024 - 2025
Trường mầm non Tế Tiêu

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn của phòng GD&ĐT Thanh Oai về việc báo cáo thực hiện công khai trong hoạt động của các CSGD thuộc hệ thống GD quốc dân năm học 2024 - 2025.

Trường mầm non Tế Tiêu đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo cụ thể như sau:

I. VIỆC THỰC HIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP QUY:

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện của các cấp tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và trách nhiệm của việc thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường đã XD kế hoạch số 165/KH-MNTT ngày 08/10/2024 thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT năm học 2024 - 2025; ban hành QĐ số 166/QĐ-MNTT về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo TT số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Trường mầm non Tế Tiêu; đã triển khai đến toàn bộ đội ngũ nhà trường.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đều nắm chắc và đầy đủ về nội dung công khai, các hình thức công khai và thời điểm công khai.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC CÔNG KHAI:

1. Nội dung công khai:

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 đối với trường mầm non

2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt được; chương trình GD mà nhà trường sẽ thực hiện; kết quả

đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển và các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường (*đính kèm Biểu mẫu 01*).

b. *Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế*: Số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (*đính kèm Biểu mẫu 02*).

c. *Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia*: Kết quả đạt được qua các mốc thời gian (*đính kèm kế hoạch của nhà trường*).

d. *Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non*: Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (*đính kèm kế hoạch của nhà trường*).

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a. *Cơ sở vật chất*: Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (*đính kèm Biểu mẫu 03*).

b. *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên*:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (*đính kèm Biểu mẫu 04*).

2.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công tác công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

a. *Tình hình tài chính của trường trong năm học 2024 - 2025*:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về Quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, học phí, các khoản thu chi thỏa thuận với phụ huynh, chi thường xuyên... (*đính kèm các biểu mẫu tài chính*).

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

b. Thông báo các khoản thu và dự toán chi trong năm học 2024 - 2025 sau khi đã thỏa thuận với phụ huynh trong hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm học (*đính kèm thông báo*).

4. Thời điểm công khai:

- Đầu năm học và cuối năm học 2024 - 2025, nhà trường đã thực hiện công khai công khai các nội dung: Cam kết chất lượng giáo dục, công khai thông tin

cơ sở vật chất; công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của nhà trường (các biểu 01, 02, 03, 04).

- Thường xuyên công khai việc thu, chi tài chính trong nhà trường, qua buổi hội đồng sư phạm nhà trường (có biên bản họp hằng tháng).

- Khi thực hiện công khai đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi có thông tin mới, hoặc cần thay đổi. Thời gian nhà trường thực hiện công khai ít nhất 30 ngày liên tục, được tính từ ngày bắt đầu niêm yết.

5. Hình thức công khai:

- Nhà trường đã thực hiện niêm yết công khai tại các bảng tin của các 03 khu đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giáo viên và cha mẹ học sinh xem xét.

- Phổ biến trong các cuộc họp BDDCMHS và toàn thể cha mẹ học sinh đầu năm học (vào ngày 22 và 23/8/2024).

- Công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường hằng tháng.

- Công bố tại hội nghị cán bộ viên chức và người lao động (ngày/10/2024)

- Công khai trên cổng thông tin điện tử Website của trường.

6. Kế hoạch triển khai quy chế công khai trong năm học 2025 - 2026:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai trong các HĐ của Nhà trường theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 đã ban hành.

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2025-2026 của nhà trường.

- Thông báo các khoản thu đã thỏa thuận đầu năm.

- Công khai tài chính, các khoản thu theo quy định (hằng tháng, học kỳ).

- Công khai khi có yêu cầu đột xuất.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban thanh tra nhân dân, CB, GV, NV tăng cường công tác giám sát việc thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường và đề xuất những bổ sung, thay đổi nếu thấy cần thiết.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai và thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024 - 2025 của trường mầm non Tế Tiêu. Nhà trường rất mong được sự đóng góp ý kiến của lãnh đạo cấp trên để nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện trong đơn vị được tốt hơn./.

Nơi nhận:

- UBND Huyện (để b/c);
- PGD&ĐT, PNV (để b/c);
- Lưu VT./.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Tâm

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được.	98%	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Steam	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Steam
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	98 %	98 %
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở.	Đảm bảo 100%	Đảm bảo 100%

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Tâm

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2024 - 2025

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	353	72	85	91	95
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	353	72	85	91	95
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	353	72	85	91	95
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	353	72	85	91	95
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	353	72	85	91	95
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Phát triển bình thường về cân nặng	352	72	85	90	95
2	Suy dinh dưỡng cân nặng (thể nhẹ)	01	0	0	01	0
3	Phát triển bình thường về chiều cao	349	72	84	90	93
4	Trẻ thấp còi	0	0	0	0	0
5	Số trẻ em thừa cân, béo phì	04	0	01	01	02
VI	Số trẻ em học chương trình chăm sóc giáo dục mầm non	353	72	85	91	95

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Tâm

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
I	Số điểm trường	1	-
II	Tổng số phòng	20	-
1	Loại phòng học	16	
2	Phòng chức năng, hiệu bộ, Y tế, vi tính, thư viện, hành chính quản trị	12	
III	Tổng DT đất toàn trường (m ²)	6940	2,6 m ²
IV	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	2300	
V	Diện tích phòng SH chung (m ²)	60	
VI	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	24	
VII	Diện tích nhà bếp (m ²)	2100	
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	
IX	Máy vi tính dành cho CB,GV,NV	7	
X	Máy tính trẻ em	0	
XI	Máy chiếu	2	
XII	Máy in	7	
XIII	Nhạc cụ (Đàn organ)	7	
XIV	Ti vi	17	
XV	Máy phô tô	0	
XVI	Đầu Video/đầu đĩa	0	
XVII	Điều hòa	45	
XVIII	Đồ chơi ngoài trời (loại)	9	
XIX	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	180	

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Tâm

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV
NĂM HỌC 2024 - 2025

TT		T số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Đ H	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	XS	Khá	TB
	Tổng số CBQL, GV và NV	53	38	7	10		3	25	15			
I	Cán bộ Q.Lý	3	3					1	2	3		
1	Hiệu trưởng	1	1						1	1		
2	P.Hiệu trưởng	2	1					1	1	2		
II	Giáo viên	36	29	6	1		2	24	10	19	14	3
1	Nhà trẻ	10	8	2	0		2	8	2	3	6	1
2	Mẫu giáo	31	21	4	1			16	8	16	8	2
III	Nhân viên	13	2	10	2							
1	NV Kế toán	1	1	0	0							
2	NV Y tế	0	0	1	0							
3	NV Nuôi dưỡng	9	0	9	9							
4	NV phục vụ	0	0	0	0							
5	NV bảo vệ	3	1	0	2							

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Tâm

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM HỌC 2024 - 2025
Thu tiền đồ dùng phục vụ công tác bán trú: 200.000 đồng/cháu.

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua bô sung xô	Cái	3	50,000	150,000
2	Mua bô sung chậu to	Cái	4	70,000	280,000
3	Mua bô sung đĩa sứ 6	Cái	30	8,000	240,000
4	Mua bô sung đĩa sứ 7	Cái	20	9,000	180,000
5	Mua đĩa	Đôi	100	5,000	500,000
6	Mua bô sung bát ăn của trẻ	Cái	50	55,000	2,750,000
7	Mua bô sung chiếu	Cái	30	115,000	3,450,000
8	Mua bô sung chăn	Cái	5	250,000	1,250,000
9	Mua bô sung gối	Cái	50	30,000	1,500,000
10	Mua khăn ăn	Cái	360	9,500	3,420,000
11	Mua khăn lau mặt	Cái	360	9,500	3,420,000
12	Mua khăn lau tay	Cái	50	25,000	1,250,000
13	Mua bô sung khay ăn	Cái	4	30,000	120,000
14	Mua bô sung ca uống nước	Cái	150	15,000	2,250,000
15	Mua bô sung rổ	Cái	5	36,000	180,000
16	Mua thùng đựng rác to	Cái	4	195,000	780,000
17	Mua thùng đựng rác nhỏ	Cái	2	70,000	140,000
18	Mua thảm lau chân	Cái	32	40,000	1,280,000
19	Mua xà phòng giặt	Kg	30	60,000	1,800,000
20	Mua nước rửa bát	Can	60	115,000	6,900,000
21	Mua dao thái	Cái	5	80,000	400,000
22	Gang tay ni lông	Hộp	50	10,000	500,000

23	Mua gang tay cao su	Đôi	70	25,000	1,750,000
24	Mua khăn lau	Kg	5	60,000	300,000
25	Mua thớt gỗ	Cái	3	250,000	750,000
26	Mua môi canh to	Cái	4	120,000	480,000
27	Mua nạo	Cái	15	10,000	150,000
28	Mua cọ xoong	Cái	30	5,000	150,000
29	Mua lưới rửa bát	Cái	30	5,000	150,000
30	Mua bàn chải	Cái	18	5,000	90,000
31	Mua nước tẩy toilet	Chai	150	27,000	4,050,000
32	Mua xà phòng rửa tay lai boy	Bánh	192	13,000	2,496,000
33	Mua nước lau nhà	Chai	150	35,000	5,250,000
34	Mua giấy vệ sinh	Bịch	230	44,000	10,120,000
35	Mua chổi chít	Cái	20	55,000	1,100,000
36	Mua ủng chân	Đôi	8	70,000	560,000
37	Mua chổi lau nhà	Cây	16	80,000	1,280,000
38	Chổi quét nước	Cây	19	30,000	570,000
39	Mua chổi cọ bồn cầu	Cái	20	20,000	400,000
40	Mua hót rác	Cái	4	28,500	114,000
41	Mua khay cơm	Cái	16	250,000	4,000,000
42	Bổ sung phản ngử	Cái	6	450,000	2,700,000
	Tổng				69,200,000

Tổng thu: 200.000/HS /năm x 346 HS= 69.200.000 đ

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Tâm